



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	12 - 34
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	35 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15/10/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17/05/2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 26 ngày 22 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 495.169.820.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm tỷ một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trữ sở hoạt động

• Trữ sở chính

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026
- Fax : + 84 (28) 3 5120 025
- Mã số thuế : 0 3 0 2 0 0 0 1 2 6

• Thông tin về chi nhánh

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
01	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 đường Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
02	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh – CN Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.
04	Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Tp. Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

0303
C
TRÁCH
KIỂM T
CHI
NS

1
TH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

• Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	02/04/2021	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	02/04/2021	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	23/03/2019	-
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	23/03/2019	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	23/03/2019	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	02/04/2021	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2013	-
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	20/02/2020	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	02/04/2021	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) giữa niên độ và tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ từ trang 08 đến trang 36.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, tình hình hoạt động (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.



ĐỖ TIẾN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2022.

CHỖ ĐÓNG CHỮ

30
T
I
A
O
P



Số: 2306/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA (HỢP NHẤT) NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con là Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty CP SX Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 19 tháng 07 năm 2022, từ trang 08 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

M.S.D.N
QU

28.
TỔ
III
10C

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

3303
C
YÁCH
EM T
CHI
S

TP. HCM
MINH

M.S.D
BÌNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.078.928.450.425	935.778.061.624
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	39.533.820.996	87.553.230.700
111	1. Tiền		39.533.820.996	87.553.230.700
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		623.246.023.323	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	623.246.023.323	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		203.111.248.303	248.694.644.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	106.664.831.245	89.456.546.159
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	29.471.432.612	7.867.430.562
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	68.036.578.716	152.432.262.371
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.061.594.270)	(1.061.594.270)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	205.869.549.954	581.173.439.031
141	1. Hàng tồn kho		209.956.961.536	585.260.850.613
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(4.087.411.582)	(4.087.411.582)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.167.807.849	18.356.747.071
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	4.342.978.979	4.452.360.229
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.718.136.171	13.755.867.897
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	106.692.699	148.518.945
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		273.850.529.292	341.438.672.648
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.018.805.250	6.026.805.250
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	3.584.805.250	3.584.805.250
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.434.000.000	2.442.000.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		227.385.919.202	261.629.456.593
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	215.811.983.584	249.671.759.110
222	- Nguyên giá		333.127.105.398	363.249.543.798
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.315.121.814)	(113.577.784.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	11.573.935.618	11.957.697.483
228	- Nguyên giá		18.056.896.169	17.938.696.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.482.960.551)	(5.980.998.686)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	32.608.214.583
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	32.608.214.583
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		40.445.804.840	41.174.196.222
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	13.422.194.002	11.250.684.318
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		295.940.929	51.410.241
269	3. Lợi thế thương mại	V.11	26.727.669.909	29.872.101.663
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.352.778.979.717	1.277.216.734.272

12
30
NH
JAN
JIA

P.

N: 03
C
C
DỊCH
HÀ
THAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		507.874.523.442	567.211.061.499
310	I. Nợ ngắn hạn		324.048.025.376	563.205.914.703
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	36.627.972.522	25.953.767.118
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	130.366.862.740	287.325.617.802
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	23.753.643.794	26.939.982.981
314	4. Phải trả người lao động		16.042.681.905	20.608.507.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	11.105.560.663	2.310.862.482
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	6.686.782.102	4.371.938.512
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	99.464.521.650	195.695.238.658
330	II. Nợ dài hạn		183.826.498.066	4.005.146.796
339	1. Trái phiếu chuyển đổi	V.18	179.862.777.778	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.963.720.288	4.005.146.796
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		844.904.456.275	710.005.672.773
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	844.904.456.275	710.005.672.773
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		495.169.820.000	495.169.820.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		495.169.820.000	495.169.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		524.927.236	524.927.236
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		346.944.391.196	212.089.478.725
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		212.089.478.725	52.017.425.713
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		134.854.912.471	160.072.053.012
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		2.265.317.843	2.221.446.812
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.352.778.979.717	1.277.216.734.272

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



175
TỶ
HỮU
VÀ T
VI
TỔ

200
NG
PH
V
GX
1-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	3.206.935.072.107	2.686.502.657.907
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.206.935.072.107	2.686.502.657.907
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.967.273.023.058	2.531.515.723.984
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		239.662.049.049	154.986.933.923
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	12.334.642.026	162.737.604
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.838.734.067	8.053.981.645
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.784.546.401	8.044.169.571
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	66.159.076.279	58.005.482.988
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	29.612.149.015	24.637.288.242
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		151.386.731.714	64.452.918.652
31	12. Thu nhập khác	VI.7	17.920.700.730	13.422.860.427
32	13. Chi phí khác		14.046.680	214.812.917
40	14. Lợi nhuận khác		17.906.654.050	13.208.047.510
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		169.293.385.764	77.660.966.162
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	34.680.559.458	16.076.141.239
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(285.957.196)	78.708.192
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		134.898.783.502	61.506.116.731
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		134.854.912.471	61.204.691.681
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		43.871.031	301.425.050
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	2.723	1.631
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	2.362	1.631

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.14	169.293.385.764	77.660.966.162
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(5.904.859.250)	12.289.730.512
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9,10	17.297.937.491	15.685.845.246
03	- Các khoản dự phòng		-	(68.368.400)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3,7	(28.040.120.920)	(11.371.915.905)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	4.837.324.179	8.044.169.571
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		163.388.526.514	89.950.696.674
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		76.507.262.902	166.762.177.647
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		277.563.004.964	(92.475.743.673)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(139.227.285.353)	(17.054.885.252)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(162.316.139)	202.219.707
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.401.062.109)	(8.044.169.571)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(40.519.400.028)	(24.167.351.244)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		335.148.730.751	115.172.944.288
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(43.838.400.029)	(232.093.970.335)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		188.002.357.879	178.642.727.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(623.246.023.323)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	12.334.642.026	162.737.604
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(466.747.423.447)	(53.288.505.459)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.789.595.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.17,18	1.571.735.205.608	1.846.967.264.648
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.17	(1.488.155.922.616)	(1.905.199.530.397)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		83.579.282.992	(55.442.670.749)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(48.019.409.704)	6.441.768.080
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	87.553.230.700	81.458.070.905
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	39.533.820.996	87.899.838.985

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2022

Chức vụ: Hội đồng Quản trị

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính Phủ về việc giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô có hiệu lực đến hết tháng 5 năm 2022, giúp thúc đẩy tiêu thụ xe. Với nguồn cung hạn chế, dẫn đến giá bán xe được cải thiện. Từ các yếu tố đó đã giúp Tập đoàn tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận với mức tăng trưởng kỳ này so với kỳ trước lần lượt là 19,37% và 119,33%.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 02 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 736 nhân viên, tại ngày đầu năm có 718 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành bởi Công ty mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty, được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	4.374.282.071	5.116.858.289
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.159.538.925	82.436.372.411
Cộng	39.533.820.996	87.553.230.700

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>106.664.831.245</i>	<i>89.456.546.159</i>
- Các khách hàng về tiền kinh doanh xe	106.664.831.245	89.456.546.159
Cộng	106.664.831.245	89.456.546.159

4. Trả trước cho người bán ngắn và dài hạn

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước ngắn hạn cho người bán khác</i>	<i>29.471.432.612</i>	<i>7.867.430.562</i>
Công ty CP Xây lắp Điện công trình Thăng Long ^(*)	17.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Tân Minh Giang ^(*)	1.623.174.500	-
Trả trước cho các người bán khác	10.848.258.112	29.471.432.612
Cộng	29.471.432.612	7.867.430.562

^(*) Là các khoản trả trước cho người bán để thực hiện thi công showroom tại chi nhánh Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước dài hạn các bên liên quan	-	-
Trả trước dài hạn các khách hàng khác	3.584.805.250	3.584.805.250
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	3.584.805.250	3.584.805.250
Cộng	3.584.805.250	3.584.805.250

(*) Là khoản ứng trước tiền thuê mặt bằng tại chi nhánh Võ Văn Kiệt theo Hợp đồng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05/07/2010.

5. Phải thu ngắn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	68.036.578.716	-	152.432.262.371	-
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam(*)	63.690.285.580	-	148.385.627.212	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.346.293.136	-	4.046.635.159	-
Cộng	68.036.578.716	-	152.432.262.371	-

(*) Là khoản phải thu về tiền thưởng do Công ty đạt về các chỉ tiêu kinh doanh xe.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu dài hạn tổ chức, cá nhân khác	2.434.000.000	-	2.442.000.000	-
- Các khoản ký cược, ký quỹ	2.434.000.000	-	2.442.000.000	-
Cộng	2.434.000.000	-	2.442.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Phải thu của khách hàng						
- Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	Trên 3 năm	35.045.295	35.045.295	Trên 3 năm	35.045.295	35.045.295
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn	Trên 3 năm	105.454.400	105.454.400	Trên 3 năm	105.454.400	105.454.400
- Công ty CP Minh Thắng	Trên 3 năm	447.577.960	447.577.960	Trên 3 năm	447.577.960	447.577.960
- Nguyễn Thị Đình Chiến	Trên 3 năm	45.350.000	45.350.000	Trên 3 năm	45.350.000	45.350.000
- Võ Thị Thu Phương	Trên 3 năm	42.692.000	42.692.000	Trên 3 năm	42.692.000	42.692.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Sản xuất và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	41.987.000	Trên 3 năm	41.987.000	41.987.000
- Công ty TNHH XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	68.800.000	Trên 3 năm	68.800.000	68.800.000
- Công ty Hợp doanh DMC-FER	Trên 3 năm	53.650.000	53.650.000	Trên 3 năm	53.650.000	53.650.000
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	221.037.615	221.037.615	Trên 3 năm	219.608.220	221.037.615
Cộng		1.061.594.270	1.061.594.270		1.061.594.270	1.061.594.270

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	83.171.323.075	(4.087.411.582)	86.673.083.328	(4.087.411.582)
- Công cụ, dụng cụ	248.377.491	-	227.732.270	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽²⁾	13.393.529.257	-	8.481.150.693	-
- Hàng hóa ⁽³⁾	113.143.731.713	-	489.878.884.322	-
Cộng	209.956.961.536	(4.087.411.582)	585.260.850.613	(4.087.411.582)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là phụ tùng xe ô tô.

⁽²⁾ Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.

⁽³⁾ Hàng hóa chủ yếu là xe ô tô. Trong đó hàng hóa đang thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 98.196.384.151 đồng (xem thuyết minh tại mục V.17).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	1.064.786.617	1.187.381.534
- Phí bảo hiểm	293.639.474	410.464.625
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.984.552.888	2.854.514.070
Cộng	4.342.978.979	4.452.360.229

Tình hình biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	4.452.360.229	5.914.343.061
- Tăng trong kỳ	6.825.132.149	6.824.200.325
- Phân bổ trong kỳ	(6.934.513.399)	(8.177.834.557)
Số cuối kỳ	4.342.978.979	4.560.708.829

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	6.494.832.649	7.568.321.609
- Công cụ, dụng cụ	4.067.810.751	2.340.394.096
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.859.550.602	1.341.968.613
Cộng	13.422.194.002	11.250.684.318

Tình hình biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	11.250.684.318	5.798.853.738
- Tăng trong kỳ	4.874.347.226	1.869.858.605
- Phân bổ trong kỳ	(2.702.837.542)	2.516.498.723
Số cuối kỳ	13.422.194.002	10.185.211.066

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	94.870.184.703	32.591.447.850	228.031.522.806	5.178.147.767	2.578.240.672	363.249.543.798
Mua trong kỳ	-	2.797.874.500	117.955.651.765	247.045.454	-	121.000.571.719
Tăng từ XDCB	31.958.035.717	-	-	-	-	31.958.035.717
Tăng từ hợp nhất	-	-	173.367.003	-	-	173.367.003
Giảm do thanh lý	-	(2.546.217.310)	(179.423.325.400)	-	-	(181.969.542.710)
Giảm từ hợp nhất	-	-	(1.284.870.129)	-	-	(1.284.870.129)
Số cuối kỳ	126.828.220.420	32.843.105.040	165.452.346.045	5.425.193.221	2.578.240.672	333.127.105.398

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	35.404.565.213	16.997.046.417	551.274.994	2.529.265.280	1.971.565.464	57.453.717.368
--	-----------------------	-----------------------	--------------------	----------------------	----------------------	-----------------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	68.224.600.423	25.851.458.617	12.950.391.760	4.369.286.712	2.182.047.176	113.577.784.688
Khấu hao trong kỳ	3.003.997.464	1.228.650.281	9.235.912.975	208.644.702	85.488.763	13.762.694.185
Tăng từ hợp nhất	-	-	17.336.700	-	-	17.336.700
Tăng phân loại lại/Khác	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	(1.525.851.492)	(8.388.355.254)	-	-	(9.914.206.746)
Giảm từ hợp nhất	-	-	(128.487.013)	-	-	(128.487.013)
Số cuối kỳ	71.228.597.887	25.554.257.406	13.686.799.168	4.577.931.414	2.267.535.939	117.315.121.814

Giá trị còn lại

Số đầu năm	26.645.584.280	6.739.989.233	215.081.131.046	808.861.055	396.193.496	249.671.759.110
Số cuối kỳ	55.599.622.533	7.288.847.634	151.765.546.877	847.261.807	310.704.733	215.811.983.584

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.292.279.369	17.938.696.169
Mua trong kỳ	-	-	118.200.000	118.200.000
Số cuối kỳ	8.848.836.800	2.797.580.000	6.410.479.369	18.056.896.169
<i>Trong đó:</i>				
Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	924.429.480	924.429.480
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	792.647.649	5.188.351.037	5.980.998.686
Khấu hao trong kỳ	-	27.975.798	473.986.067	501.961.865
Số cuối kỳ	-	820.623.447	5.662.337.104	6.482.960.551
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.004.932.351	1.103.928.332	11.957.697.483
Số cuối kỳ	8.848.836.800	1.976.956.553	748.142.265	11.573.935.618

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 10.825.793.353 đồng (xem Thuyết minh V.17).

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	29.872.101.663	-	(3.144.431.754)	26.727.669.909
Cộng	29.872.101.663		(3.144.431.754)	26.727.669.909

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i>	36.627.972.522	25.953.767.118
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam (*)	18.582.990.298	8.282.651.488
- Các nhà cung cấp khác	18.044.982.224	17.671.115.630
Cộng	36.627.972.522	25.953.767.118

(*) Là khoản phải trả về tiền mua xe Mercedes-Benz.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	41.295.409	-	65.677.594.596	(63.181.463.533)	2.537.426.472	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.410.065.241	4.465.499	34.680.559.458	(40.519.400.028)	20.571.224.671	4.465.499
- Thuế thu nhập cá nhân	488.622.331	-	1.289.362.293	(1.645.017.213)	132.967.411	-
- Thuế nhà đất, thuế đất		- 144.053.446	635.933.702	(82.082.216)	512.025.240	102.227.200
- Khoản thuế khác	-	-	7.500.000	(7.500.000)	-	-
Cộng	26.939.982.981	148.518.945	102.290.950.049	(105.435.462.990)	23.753.643.794	106.692.699

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	169.293.385.764	77.660.966.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	-
+ Phân bổ Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất	3.144.431.754	3.144.431.754
+ Lỗ trong kỳ của các công ty con	-	-
+ Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	301.854.016	413.455.574
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	(1.509.339.370)	(68.368.400)
Thu nhập chịu thuế	173.646.700.212	80.460.310.741
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển sang	(243.902.919)	(79.604.546)
Thu nhập tính thuế	173.402.797.293	80.380.706.195
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong kỳ	34.680.559.458	16.076.141.239
Điều chỉnh Thuế TNDN của các năm trước	-	149.203.823
Tổng Thuế TNDN phải nộp	34.680.559.458	16.225.345.062

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Bên liên quan</i>	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	11.105.560.663	2.310.862.482
Lãi trái phiếu, lãi vay	2.383.484.292	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác ^(*)	8.722.076.371	2.310.862.482
Cộng	11.105.560.663	2.310.862.482

^(*) Chủ yếu là các chi phí bảo hiểm vật chất xe các loại, bảo dưỡng, đào tạo nhân viên, ...**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	6.686.782.102	4.371.938.512
- Kinh phí công đoàn	459.629.516	55.973.136
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.227.152.586	4.315.965.376
Cộng	6.686.782.102	4.371.938.512

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	99.464.521.650	99.464.521.650	195.695.238.658	195.695.238.658
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽¹⁾	76.963.508.247	76.963.508.247	171.991.807.658	171.991.807.658
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn ⁽²⁾	18.573.070.526	18.573.070.526	23.703.431.000	23.703.431.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Dương	3.927.942.877	3.927.942.877	-	-
Cộng	99.464.521.650	99.464.521.650	195.695.238.658	195.695.238.658

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị hàng tồn kho, giá trị còn lại tài sản cố định vô hình với số tiền lần lượt tương ứng là 98.196.384.151 đồng (xem thuyết minh tại mục V.7) và 10.825.793.353 đồng (xem thuyết minh tại mục V.10).

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(3) Là khoản vay Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	195.695.238.658	1.391.925.205.608	(1.488.155.922.616)	99.464.521.650
Cộng	195.695.238.658	1.391.925.205.608	(1.488.155.922.616)	99.464.521.650

18. Trái phiếu chuyển đổi

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị còn lại của trái phiếu chuyển đổi (*)		
Giá trị trái phiếu phát hành bằng mệnh giá	180.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(190.000.000)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	52.777.778	-
Cộng	179.862.777.778	-

(*) Trái phiếu chuyển đổi HAXH2223001 với giá trị theo mệnh giá (100.000 đồng/trái phiếu) là 180.000.000.000 đồng được phát hành vào tháng 2 năm 2022, với thời hạn 18 tháng, lãi suất cố định 3%/năm. Trái phiếu này không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền. Sau 1 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành cho tới thời điểm 5 tháng trước trước ngày đáo hạn Trái phiếu, nhà đầu tư được quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo tỷ lệ 12 trái phiếu đổi được 100 cổ phiếu. Mục đích sử dụng: mở thêm showroom mới tại Cần Thơ; Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty.

Chi tiết tình hình biến động Trái phiếu chuyển đổi trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	
a. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu năm:	
Thời điểm phát hành	
Kỳ hạn gốc	
Kỳ hạn còn lại	
Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi	
Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi	
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi	
Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi	
Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

b. Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ:	HAXH2223001
Thời điểm phát hành	10/02/2022
Kỳ hạn gốc	18 tháng
Kỳ hạn còn lại (tính từ ngày 30/06/2022)	13 tháng
Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi	1.800.000
Mệnh giá	100.000 đồng/trái phiếu
Lãi suất	3%/năm
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi	12 trái phiếu:100 cổ phiếu
Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi	
Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi	
c. Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:	
Số lượng từng loại trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ	
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ để chuyển đổi trái phiếu	
Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu	
d. Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:	
Số lượng từng loại trái phiếu đã đáo hạn không chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ	
Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả cho nhà đầu tư	
e. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ:	
Kỳ hạn gốc	18 tháng
Kỳ hạn còn lại	13 tháng
Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi	1.800.000
Mệnh giá	100.000 đồng/trái phiếu
Lãi suất	3%/năm
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi	12 trái phiếu:100 cổ phiếu
Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi	
Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi	180.000.000.000 đồng

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	107.507.840.000	21,71	109.486.840.000	22,11
- Bà Vũ Thị Hạnh	55.763.240.000	11,26	68.365.240.000	13,81
- Các cổ đông khác	331.898.740.000	67,03	317.317.740.000	64,08
Cộng	495.169.820.000	100,00	495.169.820.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 30/06/2022.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	495.169.820.000	495.169.820.000	-
Cộng	495.169.820.000	495.169.820.000	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	495.169.820.000	367.443.990.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ (từ chia cổ tức bằng cổ phiếu)	-	110.225.830.000
+ Vốn góp cuối kỳ	495.169.820.000	477.669.820.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích cho cổ đông bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá)		(110.225.830.000)

19d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	49.516.982	49.516.982
- Cổ phiếu phổ thông	49.516.982	49.516.982
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.516.982	49.516.982
- Cổ phiếu phổ thông	49.516.982	49.516.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu kinh doanh xe	2.972.483.354.440	2.502.598.660.827
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	230.236.129.533	179.187.018.443
- Doanh thu hoạt động khác	4.215.588.134	4.716.978.637
Cộng	3.206.935.072.107	2.686.502.657.907

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn kinh doanh xe	2.777.555.232.871	2.380.115.516.556
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	186.496.472.291	147.519.831.310
- Giá vốn hoạt động khác	3.221.317.896	3.880.376.118
Cộng	2.967.273.023.058	2.531.515.723.984

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi	1.790.591.489	162.737.604
- Doanh thu hoạt động tài chính khác ^(*)	10.544.050.537	-
Cộng	12.334.642.026	162.737.604

^(*) Là khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn.**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	4.784.546.401	8.044.169.571
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	52.777.778	-
- Chi phí tài chính khác	1.409.888	9.812.074
Cộng	4.838.734.067	8.053.981.645

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	25.421.432.911	23.798.172.059
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.805.284.107	8.676.586.379
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và bằng tiền khác	31.932.359.261	25.530.724.550
Cộng	66.159.076.279	58.005.482.988

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	14.393.396.898	13.433.512.743
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.758.470.136	1.595.659.818
- Chi phí lợi thế thương mại	3.144.431.754	3.144.431.754
- Các chi phí bằng tiền khác	10.315.850.227	6.463.683.927
Cộng	29.612.149.015	24.637.288.242

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Từ tiền hỗ trợ của Mercedes-Benz Việt Nam	1.737.039.273	239.561.363
- Lãi thanh lý tài sản cố định	15.705.478.894	11.209.178.301
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	188.002.357.879	178.642.727.272
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ	(172.296.878.985)	(167.433.548.971)
- Thu nhập khác	478.182.563	1.937.757.128
Cộng	17.920.700.730	13.422.860.427

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	134.898.783.502	61.506.116.731
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(43.871.031)	(301.425.050)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	134.854.912.471	61.204.691.681
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	49.516.982	37.515.305
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.723	1.631

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	134.898.783.502	61.506.116.731
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(43.871.031)	(301.425.050)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	134.854.912.471	61.204.691.681
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	49.516.982	37.515.305
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày 30/06/2022 (CP)	7.577.547	-
Trong đó SL CP dự kiến được phát hành thêm từ việc chuyển đổi trái phiếu (12 trái phiếu: 100 cp)	150.000	-
SL CP dự kiến được phát hành để trả cổ tức (tỷ lệ 15%)	7.427.547	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.362	1.631

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.923.396.484	81.977.010.768
- Chi phí nhân công	61.436.561.225	55.675.828.662
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.264.656.052	15.952.315.765
- Lợi thế thương mại	3.144.431.754	3.144.431.754
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	48.955.659.999	45.191.210.004
Cộng	233.724.705.514	201.940.796.953

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt^(). Chi tiết như sau:*

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ ngày 02/04/2021	-	450.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ ngày 02/04/2021	750.000.000	615.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	525.000.000	525.000.000
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ ngày 01/06/2021	525.000.000	70.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	375.000.000	375.000.000
Cộng		2.175.000.000	2.035.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Thù lao thành viên HĐQT	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm từ ngày 02/04/2021	180.000.000	135.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 02/04/2021	90.000.000	135.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Cộng		540.000.000	540.000.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc. Đây là thu nhập tại Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty mẹ.

4. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- + Kinh doanh xe Ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz;
- + Kinh doanh dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng;
- + Hoạt động dịch vụ khác.

	Kinh doanh Xe Ô tô	Kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng và khác	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần	2.972.483.354.440	234.451.717.667	3.206.935.072.107
Giá vốn hàng bán	2.777.555.232.871	189.717.790.187	2.967.273.023.058
Lãi gộp	194.928.121.569	44.733.927.480	239.662.049.049
Kỳ trước			
Doanh thu thuần	2.502.598.660.827	179.187.018.443	2.681.785.679.270
Giá vốn hàng bán	2.380.115.516.556	147.519.831.310	2.527.635.347.866
Lãi gộp	122.483.144.271	31.667.187.133	154.150.331.404

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (thuyết minh số V.7, V.10, V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại kết thúc kỳ kế toán là 109.022.177.504 đồng (số đầu năm là 206.131.441.432 đồng).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRẦN KHÔI NGUYÊN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG

175-
TY
THU
TÀ T
VIỆ
TỔ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021</i>						
Tại ngày 01/01/2021	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	165.874.019.186	4.248.094.499	535.301.435.921
Tăng trong năm	110.225.830.000	554.927.236	2.234.667.764	61.204.691.681	301.425.050	174.521.541.731
- Lãi trong năm	-	-	-	61.204.691.681	301.425.050	61.506.116.731
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	554.927.236	2.234.667.764	-	-	2.789.595.000
- Bổ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	110.225.830.000	-	-	-	-	110.225.830.000
Giảm trong năm	-	-	-	(110.225.830.000)	-	(110.225.830.000)
- Chia cổ tức (bằng cổ phiếu)	-	-	-	(110.225.830.000)	-	(110.225.830.000)
Tại ngày 30/06/2021	477.669.820.000	524.927.236	-	116.852.880.867	4.549.519.549	599.597.147.652
<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022</i>						
Tại ngày 01/01/2022	495.169.820.000	524.927.236	-	212.089.478.725	2.221.446.812	710.005.672.773
Tăng trong năm	-	-	-	134.854.912.471	43.871.031	134.898.783.502
- Lãi trong năm	-	-	-	134.854.912.471	43.871.031	134.898.783.502
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	495.169.820.000	524.927.236	-	346.944.391.196	2.265.317.843	844.904.456.275

